

## **Câu 1: vai trò của đầu tư phát triển**

Các lý thuyết kinh tế, cả lý thuyết kinh tế kế hoạch hoá tập trung và lý thuyết kinh tế thị trường đều coi đầu tư phát triển là nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế, là chìa khoá của sự tăng trưởng. Vai trò này của đầu tư được thể hiện ở các mặt sau:

### **1. Trên giác độ toàn nền kinh tế của đất nước**

a. Đầu tư phát triển làm tăng tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế.

- Về mặt cầu: Đầu tư phát triển là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cầu của nền kinh tế. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, đầu tư thường chiếm khoảng 24- 28% trong cơ cấu tổng cầu của tất cả các nước trên thế giới. Đối với tổng cầu, tác động của đầu tư là ngắn hạn. Với tổng cung chưa kịp thay đổi, sự tăng lên của đầu tư làm cho tổng cầu tăng. Do đó làm cho mức sản lượng tăng và mức giá cũng tăng

- Về mặt cung: Đầu tư sẽ dẫn đến tăng vốn sản xuất, nghĩa là có thêm các nhà máy, thiết bị phương tiện vận tải mới đưa vào quá trình sản xuất, làm cho tăng khả năng sản xuất của nền kinh tế. Sự thay đổi này làm tổng cung tăng, kéo theo sản lượng tăng và mức giá giảm. Sản xuất phát triển là nguồn gốc cơ bản để tăng tích lũy, phát triển kinh tế xã hội, tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội

b- Đầu tư thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, con đường tắt yếu có thể tăng nhanh với tốc độ mong muốn (từ 9- 10 %) là tăng cường đầu tư nhằm tạo ra sự phát triển nhanh ở khu vực công nghiệp và dịch vụ. Đối với các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, do hạn chế về đất đai và khả năng sinh học, để đạt được tốc độ tăng trưởng 5- 6% là rất khó khăn. Như vậy, chính sách đầu tư quyết định quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các quốc gia nhằm đạt được tốc độ tăng nhanh của toàn bộ nền kinh tế.

Về cơ cấu lãnh thổ, đầu tư có tác dụng giải quyết những mặt cân đối về phát triển giữa các vùng kém phát triển thoát khỏi tình trạng đói nghèo, phát huy tối đa những lợi thế so sánh về tài nguyên, địa thế, kinh tế, chính trị... của những vùng có khả năng phát triển nhanh hơn, làm bàn đạp thúc đẩy những vùng khác cùng phát triển .

c. Đầu tư tác động đến tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế:

Kết quả nghiên cứu của các kinh tế cho thấy: muốn giữ tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình thì tỷ lệ đầu tư phải đạt từ 15 - 25 % so với GDP tùy thuộc vào ICOR của mỗi nước

$$\text{ICOR} = \text{vốn đầu tư tăng thêm}/\text{GDP tăng thêm}$$

Từ đó suy ra:

$$\text{Mức tăng GDP} = \text{vốn đầu tư tăng thêm}/\text{ICOR}$$

Chỉ tiêu ICOR của mỗi nước phụ thuộc vào nhiều nhân tố, thay đổi theo trình độ phát triển kinh tế và cơ chế chính sách trong nước. Nếu icor không đổi, mức tăng GDP hoàn toàn phụ thuộc vào vốn đầu tư. Tác động của vốn đầu tư vào tốc độ tăng trưởng của một số nước là khác nhau. Đối với các nước phát triển, phát triển về bản chất được coi là vấn đề đảm bảo các nguồn vốn đầu tư để đạt được một tỷ lệ tăng thêm sản phẩm quốc dân dự kiến. Thực vậy, ở nhiều nước đầu tư đóng vai trò như một “cái hích ban đầu”, tạo đà cho sự cất cánh của nền kinh tế (các nước NICs, các nước Đông Nam á).

Kinh nghiệm các nước cho thấy, chỉ tiêu ICOR phụ thuộc chủ yếu vào cơ cấu kinh tế và hiệu quả đầu tư trong các ngành, các vùng lãnh thổ cũng như hiệu quả của chính sách kinh tế nói chung. Thông thường ICOR trong công nghiệp thấp hơn trong nông nghiệp, ICOR trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế chủ yếu do tận dụng năng lực sản xuất. Do đó, ở các nước phát triển, tỷ lệ đầu tư thấp thường dẫn đến tốc độ tăng trưởng thấp. Các nước Nhật, Thụy sĩ có tỷ lệ đầu tư/ GDP lớn nên tốc độ tăng trưởng cao.

d. Đầu tư tác động tới việc tăng cường khả năng công nghệ và khoa học của quốc gia

Trung tâm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phát triển công nghệ. Đặc điểm quan trọng, cơ bản mang tính quyết định nhất của công nghệ là sự thay thế lao động thủ công sang lao động mang tính kỹ thuật, máy móc đẩy mạnh sự phân công lao động xã hội.

Đầu tư là điều kiện tiên quyết của sự phát triển và tăng cường khả năng công nghệ của nước ta hiện nay.

Có hai con đường cơ bản để có công nghệ là tự bỏ vốn ra đầu tư để nghiên cứu và phát minh ra công nghệ và nhập công nghệ từ nước ngoài.

Việt Nam đang ở trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo đánh giá của các chuyên gia công nghệ thì công nghệ của nước ta còn rất lạc hậu so với Thế Giới và chúng ta không đủ nguồn lực để tự phát minh ra các máy móc thiết bị hiện đại.

Dù là công nghệ tự nghiên cứu hay nhập từ nước ngoài đều cần phải có vốn đầu tư.

## 2. Đối với các doanh nghiệp

Đầu tư phát triển đóng vai trò quan trọng trong sự ra đời tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

a. Thứ nhất là về sự ra đời của các doanh nghiệp:

Hoạt động đầu tư phát triển là tiền đề để tạo dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của doanh nghiệp; xây dựng nhà xưởng, kiến trúc hạ tầng; mua sắm máy móc thiết bị, tiến hành các hoạt động xây dựng cơ bản, thuê mướn nhân công và thực hiện các chi phí khác gắn liền với hoạt động của các cơ sở vật chất kỹ thuật vừa được tạo ra.

b. Thứ hai là sự tồn tại của các doanh nghiệp:

Sau một quá trình hoạt động, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị sẽ bị khấu hao và hư hỏng => cần phải bảo trì, bảo dưỡng lớn các cơ sở vật chất này hoặc thay thế mới các cơ sở vật chất kỹ thuật đã bị hư hỏng thậm chí phải đổi mới cơ sở vật chất để thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và phục vụ tốt hơn cho hoạt động đầu tư.

Ngoài ra, đầu tư phát triển còn là tiền đề để giúp doanh nghiệp tạo dựng nguồn vốn và uy tín để tiến hành các hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư chuyên dịch.

c. Thứ ba là sự phát triển của doanh nghiệp.

Mục tiêu của các doanh nghiệp là lợi nhuận ngày càng tăng. => phải thường xuyên bỏ thêm vốn để mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Luôn phải tạo ra được những sản phẩm có chất lượng, giá thành rẻ bằng cách không ngừng nâng cao chất lượng máy móc thiết bị, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng quản lý hoạt động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

d. Đối với các cơ sở vô vị lợi (hoạt động không thể thu lợi nhuận cho bản thân mình)

đang tồn tại, để duy trì sự hoạt động, ngoài tiến hành sửa chữa lớn định kỳ các cơ sở vật chất kỹ thuật còn phải thực hiện các chi phí thường xuyên Tất cả những hoạt động mà chi phí này đều là những hoạt động đầu tư.

## **Câu 2: Trình bày các nguyên tắc quản lý đầu tư và làm rõ sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc này trong công tác quản lý đầu tư. Liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam**

Trong công tác quản lý đầu tư phải quán triệt các nguyên tắc sau:

### **1. Sự thống nhất giữa chính trị và kinh tế, kết hợp hài hòa giữa mặt kinh tế và mặt xã hội.**

Đảm bảo sự thống nhất giữa chính trị và kinh tế Kết hợp hài hòa giữa kinh tế và xã hội: thể hiện trong việc xác định cơ chế pháp lý đầu tư, đặc biệt là cơ cấu đầu tư theo các địa phương, vùng lãnh thổ, thành phần kinh tế đều nhằm mục đích phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

- Cơ chế quản lý đầu tư: là sản phẩm chủ quan của chủ thể quản lý trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan vào phù hợp với điều kiện, đặc điểm của hoạt động đầu tư. Nó là công cụ để chủ thể quản lý điều chỉnh hoạt động đầu tư, thể hiện ở các hình thức tổ chức quản lý và phương pháp quản lý.

- Cơ cấu đầu tư: CCĐT là một phạm trù phản ánh mối quan hệ về chất lượng và số lượng giữa các yếu tố cấu thành bên trong của hoạt động đầu tư cũng như giữa các yếu tố tổng thể các mối quan hệ hoạt động kinh tế khác trong quá trình tái sản xuất xã hội.

- Cơ cấu đầu tư hợp lý: CCĐT hợp lý là CCĐT phù hợp với các quy luật khách quan, các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể trong từng giai đoạn, phù hợp và phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng cơ sở, ngành, vùng và toàn nền kinh tế, có tác động tích cực đến việc đổi mới cơ cấu kinh tế theo hướng ngày càng hợp lý hơn, khai thác và sử dụng hợp, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực trong nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phù hợp với xu thế kinh tế, chính trị của thế giới và khu vực.

-Chuyển dịch cơ cấu đầu tư: Sự thay đổi của CCĐT từ mức độ này sang mức độ khác, phù hợp với môi trường và mục tiêu phát triển gọi là chuyển dịch CCĐT. Sự thay đổi CCĐT không chỉ bao gồm thay đổi về vị trí ưu tiên mà còn là sự thay đổi về chất trong nội bộ cơ cấu và các chính sách áp dụng. Về thực chất chuyển dịch CCĐT là sự điều chỉnh về cơ cấu vốn, nguồn vốn đầu tư, điều chỉnh cơ cấu huy động và sử dụng các loại vốn và nguồn vốn... phù hợp với mục tiêu đã xác định của toàn bộ nền kinh tế, ngành, địa phương và các cơ sở trong từng thời kỳ phát triển.

\*Nguyên tắc được thể hiện:

- Thể hiện ở vai trò quản lý của Nhà nước trong đầu tư. Nhà nước xác định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng hệ thống các cơ chế chính sách để hướng dẫn thực hiện các mục tiêu PT KTXH trong từng thời kỳ, phát huy được tính chủ động sáng tạo của các cơ sở.

- Thể hiện ở chính sách đối với người lao động trong đầu tư, chính sách bảo vệ môi trường, chính sách bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Thể hiện ở việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và cân bằng xã hội, giữa phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng, giữa yêu cầu phát huy nội lực và tăng cường hợp tác quốc tế trong đầu tư.

\* Sự cần thiết phải tuân thủ nguyên tắc này trong công tác quản lý đầu tư:

Khi áp dụng nguyên tắc này hoạt động đầu tư sẽ thực hiện được đúng các mục tiêu cả về vĩ mô và vi mô vì nó xuất phát từ đòi hỏi khách quan: kinh tế quyết định chính trị, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Nó tác động tích cực hay tiêu cực đến sự phát triển kinh tế. Ngoài ra sự kết hợp hài hòa mới tạo động lực cho sự phát triển kinh tế và đồng thời nó thể hiện một mặt giữa sự thống nhất giữa kinh tế và chính trị

\* Thực tiễn ở Việt Nam:

- Ở Việt Nam, chính trị và kinh tế không thể tách rời nhau vì chính sách của Đảng là cơ sở của mọi biện pháp lãnh đạo và hướng dẫn sự phát triển không ngừng của nền KT.

- Đảng vạch ra đường lối, chủ trương phát triển KTXH. Đảng chỉ rõ con đường, biện pháp, phương tiện để thực hiện đường lối, phương tiện, chủ trương đã vạch ra.

- Đảng phải động viên được đông đảo quần chúng đoàn kết, nhất trí thực hiện đường lối, chủ trương đã đặt ra.

- Nhà nước phải biến chủ trương, đường lối của Đảng thành KH và triển khai, giám sát việc thực hiện KH

- Nước ta đổi mới kinh tế đi trước một bước, từng bước đổi mới hệ thống chính trị, ổn định chính trị. Vấn đề đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị cho phù hợp với nhau và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế là vấn đề trọng tâm của nước ta trong 20 năm đổi mới, và hiện nay nền kinh tế và tình hình chính trị của chúng ta được đảm bảo thống nhất và là một trong những thuận lợi của nước ta so với nhiều cường quốc trên thế giới.

## 2. Nguyên tắc tập trung dân chủ

\* Quản lý hoạt động đầu tư vừa phải đảm bảo nguyên tắc tập trung lại vừa phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này đòi hỏi công tác quản lý đầu tư cần phải theo sự lãnh đạo thống nhất từ một trung tâm đồng thời phát huy được tính chủ động sáng tạo của các đơn vị thực hiện đầu tư.

\* Biểu hiện của nguyên tắc tập trung:

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch đầu tư, thực thi các chính sách và hệ thống luật pháp có liên quan đến đầu tư đều nhằm đáp ứng mục tiêu pt KTXH của đất nước trong từng thời kỳ.
- Thực hiện chế độ một thủ trưởng và quy định rõ trách nhiệm của từng cấp trong quá trình thực hiện quản lý hoạt động đầu tư
- Biểu hiện của nguyên tắc dân chủ:
  - Phân cấp trong thực hiện đầu tư, xác định rõ vị trí, trách nhiệm, quyền hạn các cấp của chủ thể tham gia quá trình đầu tư.
  - Chấp thuận cạnh tranh trong đầu tư
  - Thực hiện hạch toán kinh tế đối với các công cuộc đầu tư
  - Trong hoạt động đầu tư, nguyên tắc tập trung dân chủ được vận dụng ở hầu hết các khâu công việc
- \*Sự cần thiết phải tuân thủ nguyên tắc này trong công tác quản lý hoạt động đầu tư

Tuân thủ nguyên tắc này giúp cho việc quản lý mới thực hiện được trong đầu tư (đặc biệt là trong vĩ mô). Mọi hoạt động, mục tiêu đều nằm trong mục đích phát triển của chiến lược pt KTXH. Nguyên tắc này được áp dụng khắc phục được tình trạng đầu tư vô trách nhiệm, hiệu quả đầu tư cao. Nguyên tắc này đảm bảo tập trung nhưng vẫn dân chủ nên phát huy được tính sáng tạo

\*Thực tiễn ở Việt Nam: Nguyên tắc này ở Việt Nam đã được áp dụng, nó được quy định thành văn bản luật, cụ thể là tại nghị định 12 số 12/2009/ND/CP và thông tư 03/2009/TT/BXD quy định chi tiết 1 số nội dung của nghị định 12, trong đó có thể hiện rất rõ ràng nguyên tắc tập trung dân chủ.

### 3. Nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

\* Đây là một trong các nguyên tắc trong công tác quản lý kinh tế. Nguyên tắc này xuất phát từ sự kết hợp khách quan trong xu hướng của sự phát triển kt, đó là chuyên môn hóa theo ngành và phân bố sản xuất theo vùng, lãnh thổ.

\*Chức năng quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ

-Chịu trách nhiệm quản lý về hành chính và xã hội đối với mọi đối tượng đóng tại địa phương ko phân biệt kinh tế TƯ hay địa phương.

-Nhiệm vụ cụ thể: Các cơ quan địa phương có nhiệm vụ xây dựng chiến lược quy hoạch kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế trên địa bàn, quản lý cơ sở hạ tầng, tài nguyên, môi trường, đời sống an ninh trật tự xã hội

\*Chức năng các cơ quan quản lý ngành

-Các bộ ngành, tổng cục của TƯ chịu trách nhiệm quản lý chủ yếu những vấn đề kinh tế kỹ thuật của ngành mình đối với tất cả các đơn vị không phân biệt kinh tế TƯ hay gđiaj phương hay các thành phần kinh tế

-Nhiệm vụ cụ thể: Xác định chiến lược quy hoạch, kế hoạch, các chính sách phát triển kinh tế toàn ngành. Ban hành những quy định quản lý ngành như các định mức, các chuẩn mực, các quy phạm kỹ thuật, đồng thời các cơ quan này cũng thực hiện chức năng quản lý NN về kt đối với hoạt động đầu tư thuộc ngành.

\*Các hình thức phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương như sau:

+Tham quản: là một vấn đề do một chủ thể ngành hoặc lãnh thổ có thẩm quyền quyết nhưng tham khảo ý kiến của bên kia để quyết định của bên mình thêm sáng suốt.

+Hiệp quản: giống như tham quản nhưng ý kiến của bên kia là điều kiện cần phải có để tạo nên tính hợp pháp cho một quyết định quản lý nào đó.

+Đồng quản; là khi 2 cơ quan theo ngành hoặc theo lãnh thổ liên tịch ra văn bản và ra quyết định quản lý.

\*Sự cần thiết phải tuân thủ nguyên tắc này trong công tác quản lý đầu tư:

- Kết quả trực tiếp của đầu tư là các công trình, tài sản cố định huy động. Nó hình thành nên các doanh nghiệp hoạt động theo công trình đầu tư. Các doanh nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, và cùng chịu sự quản lý của các Bộ ngành, tạo ra cơ cấu đầu tư nhất định. Các doanh nghiệp đóng trên địa phương chịu sự quản lý của UBND các cấp nên chúng có mối quan hệ về mặt đời sống xã hội. Chúng cần phải kết hợp với nhau, kết hợp giữa các Bộ ngành và UBND địa phương để khai thác lợi thế của địa phương, vùng lãnh thổ và tạo cơ cấu đầu tư hợp lý.

\* Thực tiễn tại Việt Nam: Trong 20 năm đổi mới vừa qua Việt Nam chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu trong việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế do nguồn lực yếu kém, việc kết hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa thực sự có hiệu quả, do vậy chưa khai thác được tối đa lợi thế của các địa phương, vùng lãnh thổ. còn nhiều quy hoạch không hợp lý ...

#### 4. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa các lợi ích trong đầu tư

\*Đầu tư tạo ra lợi ích, có rất nhiều loại lợi ích như lợi ích kinh tế và xã hội, lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và cá nhân, lợi ích trực tiếp, lợi ích gián tiếp....

\*Biểu hiện của nguyên tắc này :

Là kết hợp hài hòa giữa các lợi ích trên và giữa các cá nhân, tập thể, người lao động, chủ đầu tư chủ thầu.... Sự kết hợp này được đảm bảo bằng các chính sách của Nhà nước, bằng hoạt động thỏa thuận giữa các đối tượng tham gia quá trình đầu tư bằng việc thực hiện luật đấu thầu.

\*Sự cần thiết phải tuân thủ nguyên tắc này:

-Trong công tác quản lý đầu tư phải có sự kết hợp hài hòa mới có thể thực hiện được và đạt hiệu quả kt. Thực tiễn trong hoạt động đầu tư và hoạt động

kt cho thấy lợi ích là yếu tố chi phối. Những lợi ích đó có thể thống nhất có thể mâu thuẫn với nhau, do đó cần phải có sự kết hợp hài hòa  
Tuy nhiên với một số hoạt động đầu tư và trong môi trường đầu tư nhất định, lợi ích của NN và XH bị xâm phạm, do vậy cần có những chính sách, quy chế và biện pháp để ngăn chặn mặt tiêu cực.

#### 5. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

\*Nguyên tắc này nói lên tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư  
-Tiết kiệm được hiểu là tiết kiệm chi phí đầu vào, tiết kiệm trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm thời gian, TK lao động và đảm bảo đầu tư có trọng tâm trọng điểm, đầu tư đồng bộ.

-Hiệu quả: Với một số vốn đầu tư nhất định phải đem lại hiệu quả kinh tế xã hội lớn nhất hay đạt được hiệu quả đã dự kiến.'

-Biểu hiện của nguyên tắc này: Đối với chủ đầu tư thì lợi nhuận là lớn nhất, đối với NN thì mức đóng góp cho NS là lớn nhất, mức tăng thu nhập cho lao động, tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ môi trường, tăng trưởng phát triển văn hóa giáo dục và sự nghiệp phúc lợi công cộng.

\*Sự cần thiết phải áp dụng nguyên tắc này: Trong điều kiện nguồn lực khan hiếm, nhu cầu vốn đầu tư lớn hơn nguồn lực thì cần áp dụng nguyên tắc này để tăng quy mô vốn.

\*Thực tiễn tại VN:

-Nước ta còn tình trạng thất thoát và lãng phí xảy ra trầm trọng, đầu tư không trọng tâm trọng điểm, tài nguyên khai thác không hiệu quả...

-Nguyên nhân thất thoát vốn ĐT cơ bản ở VN:

- + Qui hoạch sai. ĐT không có qui hoạch hoặc qui hoạch chất lượng thấp.
- + Thất thoát lãng phí trong khâu xác định chủ trương ĐT.
- + Thất thoát lãng phí trong khâu thẩm định, phê duyệt, thiết kế.
- + Thất thoát lãng phí trong khâu kỹ thuật, tổng dự toán.
- + Thất thoát lãng phí trong khâu KHH ĐT.
- + Thất thoát lãng phí trong khâu đấu thầu, XD.
- + Thất thoát lãng phí do công tác chuẩn bị XD.
- + Thất thoát lãng phí do khâu tổ chức thực hiện ĐT.
- + Thất thoát lãng phí do cơ chế quản lý giá trong XD, do khâu thanh toán, quyết toán vốn ĐT DA hoàn thành.

#### 6. Nguyên tắc tăng cường pháp chế XHCN trong quản lý NN về ĐT.

Nguyên tắc này đòi hỏi

-Các cơ quan NN thực hiện quản lý ĐT phải nghiêm chỉnh chấp hành hệ thống luật pháp mà không được quản lý một cách chủ quan, tùy tiện.

-Phải XD và hoàn chỉnh hệ thống luật pháp.

-Phải GD PL cho người dân.

- Xử lý một cách nghiêm minh mọi hành vi vi phạm PL.



### **Câu 3 : Trình bày các nguyên tắc cần tuân thủ khi lập kế hoạch đầu tư. Liên hệ thực tế ở Việt Nam.**

(1) Kế hoạch đầu tư phải dựa vào quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, ngành, địa phương và cơ sở:

- Nó hướng các đến mục tiêu chung và đảm bảo các ngành, vùng lãnh thổ khai thác, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát huy được lợi thế so sánh.

- Hướng kế hoạch đầu tư đó đạt được các mục tiêu phát triển lâu dài và hướng đến sự phát triển bền vững, tránh được tình trạng đầu tư tự phát, manh mún, tạo ra sự đồng bộ cũng như hiệu quả tổng thể trong đầu tư.

- Dựa trên từ tình hình cung cầu của thị trường, do đó nếu kế hoạch đầu tư xây dựng căn cứ vào đó=> đảm bảo đáp ứng đúng và đầy đủ đòi hỏi thực tế của thị trường, từ đó sẽ đem lại tính khả thi cao của dự án đầu tư.

(2) Kế hoạch đầu tư phải xuất phát từ tình hình cung cầu của thị trường:

- Căn cứ vào tín hiệu thị trường cho biết

+nên đầu tư cái gì sẽ có lợi nhất, phù hợp với thị trường nhất

+ đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của sản phẩm cũng như dự án.

+đầu tư bao nhiêu vốn, từ đó có kế hoạch cụ thể để xây dựng phương án nguồn vốn cũng như các nguồn lực khác để đảm bảo và có hiệu quả nhất cho dự án.

+nên đầu tư khi nào, thời điểm đầu tư cũng có quyết định rất quan trọng đến việc phát huy dự án sau này cũng như cơ hội đầu tư của dự án, sự thành công hay thất bại của dự án.

-Ngoài ra tuổi đời sản phẩm của dự án phụ thuộc rất nhiều vào thị trường, do đó việc quyết định đầu tư để đưa sản phẩm ra kịp thời cũng là yếu tố rất quan trọng trong đầu tư.

Từ các nhân tố trên việc dựa trên cơ sở nghiên cứu thị trường => quyết định phương hướng đầu tư là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn để đạt được hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Tuy nhiên cũng cần thấy rõ và phân tích kỹ để tránh vấp phải mặt trái của thị trường khi lập kế hoạch đầu tư.

(3)Coi trọng công tác dự báo khi lập kế hoạch đầu tư trong cơ chế thị trường:

- Bản chất của công tác kế hoạch là đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện, do đó phải xây dựng được các mục tiêu thực hiện cụ thể rõ ràng đòi hỏi phải làm công tác dự báo, công tác dự báo có chính xác, có được coi trọng thì mục tiêu và thực hiện mới đảm bảo đúng đắn, phù hợp và hiệu quả giúp cho việc kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư có đúng mục đích hay không.

- Hiện nay, nhu cầu về vốn lớn, nguồn lực thì hạn chế vì vậy qua kế hoạch đầu tư có mục tiêu rõ ràng phân bổ vốn sẽ hợp lý và đảm bảo đúng theo quy hoạch, định hướng của từng cơ sở, ngành, lĩnh vực kinh tế và nền kinh tế nói chung.

#### (4) Đẩy mạnh công tác kế hoạch hoá đầu tư theo các chương trình, dự án:

- Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo cơ sở vật chất nhất định, nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc đơn vị trong khoảng thời gian xác định.

- Để dự án đầu tư khi đi vào hoạt động đạt được hiệu quả cao nhất về tổng hợp các mặt lợi ích việc xây dựng dự án phải đảm bảo theo các nguyên tắc nhất định. Trong đó phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của ngành, vùng, địa phương và cả nước.

- Từ cơ sở đó thực chất của công tác kế hoạch hoá đầu tư theo chương trình và dự án là lập kế hoạch đầu tư phát triển trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, lựa chọn các vấn đề vào chương trình phát triển và xây dựng các dự án đầu tư để thể hiện chương trình đó.

Thực hiện tốt các chương trình phát triển và dự án là cơ sở thực hiện thành công kế hoạch đầu tư.

#### (5) Kế hoạch đầu tư của nhà nước trong cơ chế thị trường cần coi trọng cả kế hoạch định hướng và kế hoạch trực tiếp:

- Một số công trình đầu tư quan trọng, then chốt có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng và nguồn vốn đầu tư của nhà nước,.. cần được nhà nước lập kế hoạch đầu tư trực tiếp.

- Tuy nhiên, Nhà nước quản lý quá trình đầu tư chủ yếu bằng pháp luật bằng các biện pháp khuyến khích hay hạn chế, bằng cơ chế chính sách, bằng các đòn bẩy kinh tế, sử dụng triệt để quan hệ thị trường và lợi ích vật chất.

#### (6) Phải đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, kịp thời và linh hoạt của kế hoạch:

- Kế hoạch đầu tư phải dựa trên những căn cứ khoa học về khả năng và thực trạng vốn đầu tư, tình hình cung, cầu sản phẩm thị trường, chiến lược

phương hướng phát triển kinh tế xã hội, chiến lược đầu tư chung của nền kinh tế, ngành, địa phương và đơn vị,...

-Kế hoạch đầu tư phải đồng bộ giữa các nội dung đầu tư, giữa mục tiêu và biện pháp => đảm bảo tạo ra một cơ cấu đầu tư hợp lý, đồng thời có tính linh hoạt cao. Kế hoạch sẽ được điều chỉnh khi thay đổi nhu cầu và nguồn lực thực hiện, dựa trên cơ sở khoa học để đảm bảo tính chính xác, đảm bảo khả năng thực hiện kế hoạch đầu tư và đảm bảo hiệu quả của kế hoạch đầu tư.

(7) Kế hoạch đầu tư của nhà nước phải đảm bảo những mặt cân đối lớn của nền kinh tế, kết hợp tốt giữa nội lực và ngoại lực, kết hợp hài hoà giữa lợi ích hiện tại và lợi ích lâu dài, lợi ích tổng thể với lợi ích cục bộ, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn để xem xét đánh giá:

-Kế hoạch đầu tư của nhà nước là bộ phận rất quan trọng của kế hoạch đầu tư nói chung. Với quy mô vốn lớn tập trung trong tay thành phần kinh tế nhà nước, nhà nước xây dựng và thực hiện các kế hoạch đầu tư có vị trí chiến lược quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đảm bảo những cân đối lớn của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng đầu tư của các thành phần kinh tế khác và thu hút đầu tư nước ngoài.

(8) Kế hoạch đầu tư trực tiếp của nhà nước phải được xây dựng theo nguyên tắc từ dưới lên:

-Dự án đầu tư là công cụ thực hiện kế hoạch đầu tư của các tổ chức cơ sở. Cơ sở lập dự án đầu tư trình lên Bộ, ngành, địa phương. Nhà nước xem xét trên cơ sở đảm bảo sự cân đối chung của toàn bộ nền kinh tế giữa các ngành, các địa phương và cơ sở. Tổng hợp kế hoạch đầu tư theo các dự án của cơ sở sẽ là kế hoạch đầu tư của đơn vị và từ đó tổng hợp theo từng ngành, từng địa phương và cho cả nước.

Liên hệ:khó k tìm thấy

## **Câu 4,5,6: Trình bày tóm tắt các nguồn vốn đầu tư .**

### **Các điều kiện để huy động có hiệu quả vốn đầu tư....**

#### **A,CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:**

##### **I. Vĩ mô**

###### 1.Vốn trong nước:

###### *\*Vốn NSNN:*

- Hình thành: từ thuế và các khoản thu khác , bao gồm vốn trung ương và vốn địa phương

- Đặc điểm: Hạn chế về số lượng; Chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục... và chi thường xuyên trong các tổ chức của nhà nước; Không nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận

###### *\*Vốn tín dụng đầu tư phát triển:*

-Hình thành :Vốn điều lệ của quỹ hỗ trợ phát triển; Vốn NSNN cấp hàng năm; Vốn đầu tư phát hành trái phiếu chính phủ; Vốn vay nợ; Viện trợ nước ngoài của chính phủ dùng để cho vay lại; Vốn do quỹ hỗ trợ phát triển huy động...

- Đặc điểm :Lãi suất ưu đãi ,vốn có hoàn lại; Đầu tư vào những lĩnh vực được nhà nước khuyến khích

###### *\*Vốn của các doanh nghiệp nhà nước*

- Hình thành từ vốn điều lệ,quỹ khấu hao và lợi nhuận để lại của các DNNN

-Đặc điểm: Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp và những lĩnh vực khác

###### *\*Vốn của các doanh nghiệp tư nhân và dân cư*

-Hình thành từ tiết kiệm của dân cư

-Đặc điểm: Tiềm năng lớn; Đầu tư nhằm tìm kiếm lợi nhuận; Quy mô đầu tư thường và nhỏ...

###### **=> GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC:**

+Khuyến khích huy động vốn tiết kiệm từ tư nhân; Khai thác các nguồn lực nhân rồi như lao động dư thừa và năng lực vốn chưa dùng; Hoàn thiện hệ thống thuế :thuế gián thu,thuế trực thu...; Phát triển các tổ chức trung gian tài chính :ngân hàng,quỹ tiết kiệm...=>phân phối các khoản tiết kiệm; Tăng cường cơ hội đầu tư :giảm thuế,cho vay...; Tái phân phối thu nhập:giảm thuế và cá chính sách ngành nghề; Kiểm soát lạm phát và tăng cường đầu tư xã hội; Sự thống nhất trong chính trị và tinh thần dân tộc...

###### 2.Vốn đầu tư nước ngoài

###### *\*Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài*

+Phân loại:

-ODA song phương :do chính phủ của một quốc gia cấp cho chính phủ của một quốc gia khác

-ODA đa phương :do chính phủ nhiều quốc gia cấp,do các tổ chức phi chính phủ (NGOs) cấp,do tổ chức tài chính quốc tế và khu vực cấp (WB,ADB,IMF...) cấp

+Đặc điểm :

@ Ưu đãi : -Lượng vốn lớn; -Lãi suất thấp,thời gian trả nợ dài,thời gian ân hạn dài; -Đầu tư vào những lĩnh vực có lợi nhuận thấp

@ Ràng buộc:-Phải đầu tư vào những lĩnh vực đã cam kết; -Ràng buộc về chính trị,qiân sự; -Ràng buộc về kinh tế

@ Gây nợ:-Tâm lí chủ quan khi sử dụng; -Quản lí kém; -Thay đổi tỉ giá hối đoái; -Tác động chậm đến tăng trưởng

(Nước cho vay không nhằm tìm kiếm lợi nhuận từ lãi suất mà tìm kiếm từ ràng buộc kinh tế ,chính trị...: sử dụng,đầu tư nguồn vốn đó thuê các doanh nghiệp của nước cho vay thực hiện)

*\*Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài:*

+Được thực hiện chủ yếu thông qua việc mở rộng sản xuất kinh doanh của một công ty ở một quốc gia sang quốc gia khác

-TNCs :công ty xuyên quốc gia (có mặt ở nhiều quốc gia )

-MNCs :công ty đa quốc gia (mang từ 2 quốc tịch trở lên )

+Đặc điểm: Tiềm năng lớn ; -Đầu tư vào những lĩnh vực có tỉr suất sinh lợi cao;- Tác động nhanh đến tăng trưởng; =>-Nước tiếp nhận không lo trả nợ; - Không bị ràng buộc; -Chủ động trong việc thu hút vào những ngành nghề và địa phương mong muốn; -Tiếp nhận được công nghệ trong lĩnh vực cần thiết -Tạo ra ngành nghề mới...

=> GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI:

+Cải thiện môi trường đầu tư tổng thể: ổn định kinh tế chính trị;có những khung pháp lí rõ ràng về sự hoạt động của các công ty đa quốc gia

+Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi :Cải cách thủ tục hành chính;Các chính sách ưu đãi và thúc đẩy khu vực FDI phát triển ...

## **II. Trên góc độ các DN (vi mô).**

Trên góc độ vi mô, nguồn vốn ĐT của các DN, các đơn vị thực hiện ĐT gồm hai nguồn chính: nguồn vốn bên trong và nguồn vốn bên ngoài.

### **1. Nguồn vốn bên trong.**

- Hình thành từ phần tích lũy nội bộ của DN (vốn góp ban đầu, thu nhập giữ lại) và phần khấu hao hàng năm.

- Ưu điểm: đảm bảo tính độc lập, chủ động, không phụ thuộc vào chủ nợ, hạn chế rủi ro về tín dụng. DA được tài trợ từ nguồn vốn này sẽ không làm suy giảm khả năng vay nợ của DN

- Nhược điểm: trong nhiều trường hợp nếu chỉ dựa vào nguồn vốn nội bộ sẽ bị hạn chế về qui mô đầu tư.

## 2. Nguồn vốn bên ngoài.

- Nguồn vốn này có thể hình thành từ việc vay nợ hoặc phát hành chứng khoán ra công chúng qua hai hình thức tài trợ chủ yếu: tài trợ gián tiếp thông qua các trung gian tài chính và tài trợ trực tiếp qua thị trường vốn.

- Tại VN hiện nay, nguồn vốn tài trợ gián tiếp thông qua các trung gian TC khá phổ biến. Tuy nhiên, do nhu cầu ĐT ngày càng gia tăng, năng lực của các NHTM và các tổ chức tín dụng khó đáp ứng hết nhu cầu ĐT của cá DN vì vậy hình thức tài trợ trực tiếp qua thị trường vốn đã và sẽ ngày càng được quan tâm thỏa đáng hơn.

-Huy động vốn qua thị trường CK có ưu điểm là quy mô huy động rộng rãi hơn. Bên cạnh đó do yêu cầu công khai minh bạch cao đòi hỏi các DN sử dụng vốn có hiệu quả hơn. Tuy nhiên tính cạnh tranh và rủi ro cũng cao hơn.

## **B.ĐIỀU KIỆN HUY ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN VỐN**

### 1.Tạo lập và duy trì năng lực tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế

+Tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh và thực hành tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng

+Hoàn thiện cơ chế về quản lí đầu tư và tiếp tục cải cách các doanh nghiệp nhà nước,tăng cường tính hiệu quả đầu tư của khu vực kinh tế này

+Tạo môi trường hoạt động đầu tư bình đẳng cho tất cả các nguồn vốn đầu tư ,xóa bỏ tư tưởng bao cấp về vốn đầu tư ...và lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo của các hoạt động đầu tư

### 2.Đảm bảo ổn định môi trường kinh tế vĩ mô

+Giữ ổn định giá trị tiền tệ với việc kiểm chế lạm phát,kiểm soát mức thâm hụt ngân sách

+Đảm bảo sự ổn định ,phù hợp của lãi suất và tỉ giá hối đoái

+Coi trọng các hoạt động kế toán,kiểm toán,tư pháp hỗ trợ và đảm bảo kinh doanh lành mạnh,chống tham nhũng

### 3.Xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn có hiệu quả

+ Đa dạng hóa và hiện đại hóa các hình thức và phương thức huy động vốn

+Các hình thức huy động vốn phải được tiến hành đồng bộ cả về nguồn vốn và biện pháp thực hiện

## **Câu 7. Phân tích đặc điểm của đầu tư phát triển. Những đặc điểm này đặt ra yêu cầu gì cho công tác quản lý dự án.**

Hoạt động đầu tư phát triển có các đặc điểm sau đây:

**-Quy mô tiền vốn, vật tư, lao động cần thiết cho hoạt động đầu tư phát triển thường rất lớn.** Vốn đầu tư lớn nằm khê đọng lâu trong suốt quá trình thực hiện đầu tư. Quy mô vốn đầu tư lớn đòi hỏi phải có giải pháp tạo vốn và huy động vốn cho hợp lý, xây dựng các chính sách, quy hoạch, kế hoạch đầu tư đúng đắn, quản lý chặt chẽ tổng vốn đầu tư, bố trí vốn theo tiến độ đầu tư, thực hiện đầu tư trọng tâm trọng điểm.

**-Thời kỳ đầu tư kéo dài.** Thời kỳ đầu tư tính từ khi khởi công thực hiện dự án đến khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động. Nhiều công trình đầu tư phát triển có thời gian đầu tư kéo dài hàng chục năm. Do vốn lớn lại nằm khê đọng trong suốt quá trình thực hiện đầu tư nên để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, cần tiến hành phân kỳ đầu tư, bố trí vốn và các nguồn lực tập trung hoàn thành dứt điểm từng hạng mục công trình, quản lý chặt chẽ tiến độ kế hoạch đầu tư, khắc phục tình trạng thiếu vốn, nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

**-Thời gian vận hành các kết quả đầu tư kéo dài.** Thời gian vận hành các kết quả đầu tư tính từ khi đưa công trình vào hoạt động cho đến khi hết thời hạn sử dụng và đào thải công trình. Trong suốt quá trình vận hành, các thành quả đầu tư chịu sự tác động của hai mặt, cả tích cực và tiêu cực, của nhiều yếu tố tự nhiên, chính trị, kinh tế, xã hội...

**-Các thành quả của hoạt động đầu tư phát triển mà là các công trình xây dựng thường phát huy tác dụng ở ngay tại nơi nó được tạo dựng nên, do đó, quá trình thực hiện đầu tư cũng như thời kỳ vận hành các kết quả đầu tư chịu ảnh hưởng lớn của các nhân tố về tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng.** Không thể dễ dàng di chuyển các công trình đã đầu tư từ nơi này sang nơi khác

**-Đầu tư phát triển có độ rủi ro cao.** Do quy mô vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư kéo dài và thời gian vận hành các kết quả đầu tư cũng kéo dài... nên mức độ rủi ro của hoạt động đầu tư phát triển thường cao. Rủi ro đầu tư do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan từ phía các nhà đầu tư như quản lý kém, chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu... có nguyên nhân khách quan như giá nguyên liệu tăng, giá bán sản phẩm giảm, công suất không đạt công suất thiết kế...

Yêu cầu đối với công tác quản lý dự án:

-Cần xây dựng cơ chế và phương pháp dự báo khoa học cả ở cấp vĩ mô và vi mô về nhu cầu thị trường đối với sản phẩm đầu tư trong tương lai, dự kiến khả năng cung từng năm và toàn bộ vòng đời dự án.

-Quản lý tốt quá trình vận hành, nhanh chóng đưa các thành quả đầu tư vào sử dụng, hoạt động tối đa công suất để nhanh chóng thu hồi vốn, tránh hao mòn vô hình.

-Chú ý đúng mức đến yếu tố độ trễ thời gian trong đầu tư. Đầu tư trong năm nhưng thành quả đầu tư chưa chắc đã phát huy tác dụng trong năm đó mà từ những năm sau và kéo dài trong nhiều năm. Đây là đặc điểm rất riêng của lĩnh vực đầu tư, ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý hoạt động đầu tư.

-Cần phải có chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư đúng. Đầu tư cái gì, công suất bao nhiêu là hợp lý... cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, dựa trên những căn cứ khoa học. Thí dụ, công ty sản xuất thấu kính cần phải nghiên cứu nhu cầu thị trường về thấu kính trong 1 năm là bao nhiêu, có bao nhiêu nhà sản xuất hoạt động trong lĩnh vực này, công suất của những nhà sản xuất khác và thị phần của từng nhà sản xuất, thị phần của công ty trên thị trường là bao nhiêu, từ đó xác định qui mô đầu tư.

-Lựa chọn địa điểm đầu tư hợp lý. Để lựa chọn địa điểm thực hiện đầu tư đúng phải dựa trên những căn cứ khoa học, dựa vào một hệ thống các chỉ tiêu kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường, văn hóa... Cần xây dựng một bộ tiêu chí khác nhau và nhiều phương án so sánh để lựa chọn vùng lãnh thổ và địa điểm đầu tư cụ thể hợp lý nhất, sao cho khai thác được tối đa lợi thế vùng và không gian đầu tư cụ thể, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

-Nhận diện rủi ro đầu tư. Có nhiều nguyên nhân rủi ro, do vậy, xác định được đúng nguyên nhân rủi ro sẽ là khâu quan trọng đầu tiên để tìm ra giải pháp phù hợp để khắc phục.đánh giá mức độ rủi ro. Rủi ro xảy ra có khi rất nghiêm trọng, nhưng có khi chưa đến mức gây nên những thiệt hại về kinh tế. Đánh giá phòng và chống phù hợp.xây dựng các biện pháp phòng và chống rủi ro. Mỗi loại rủi ro và mức độ rủi ro nhiều hay ít sẽ có biện pháp phòng và chống tương ứng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại có thể có do rủi ro này gây ra.



**Câu 9: Trình bày các phương pháp quản lý hoạt động đầu tư và ưu nhược điểm của từng phương pháp. Cũng như các hoạt động kinh tế khác, các phương pháp quản lý hoạt động đầu tư bao gồm:**

**Phương pháp kinh tế:**

Là sự tác động của chủ thể quản lý vào đối tượng quản lý bằng các chính sách và đòn bẩy kinh tế như: tiền lương, tiền thưởng, tiền phạt, giá cả, lợi nhuận, tín dụng, thuế.

Khác với phương pháp hành chính dựa vào mệnh lệnh, phương pháp kinh tế thông qua các chính sách và đòn bẩy kinh tế để hướng dẫn, kích thích, động viên và điều chỉnh các hành vi của những đối tượng tham gia quá trình thực hiện đầu tư theo một mục tiêu nhất định của nền kinh tế - xã hội. Như vậy, phương pháp kinh tế trong quản lý đầu tư chủ yếu dựa vào lợi ích kinh tế của đối tượng tham gia vào quá trình đầu tư và sự kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân người lao động trong lĩnh vực đầu tư.

- Ưu điểm:

+ Tạo ra sự quan tâm vật chất cần thiết của đối tượng bị quản lý nên nó tác động rất nhạy bén, linh hoạt, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của NLĐ. Khi NLĐ hăng hái SX thì đồng thời nhiệm vụ chung cũng được giải quyết nhanh chóng, có hiệu quả.

+ Phương pháp KT mở rộng quyền hoạt động cho các cá nhân và các DN đồng thời cũng làm tăng trách nhiệm KT cho họ. Điều đó giúp cho NN giảm được rất nhiều trong việc quản lý, điều hành, kiểm tra, đôn đốc chi ly, vụn vặt mang tính chất sự vụ HC.

- Nhược điểm:

Đòi hỏi cán bộ quản lý phải có trình độ và năng lực về nhiều mặt để đưa ra các biện pháp KT phù hợp.

**Phương pháp hành chính.**

Là phương pháp được sử dụng trong quản lý cả lĩnh vực xã hội và kinh tế của mọi nước. Đây là cách thức tác động trực tiếp của chủ thể quản lý đến dự án quản lý bằng những văn bản, chỉ thị, những quy định về tổ chức. Ưu điểm của phương pháp này là góp phần giải quyết trực tiếp và nhanh chóng

những vấn đề cụ thể, nhưng cũng dễ dẫn đến tình trạng quan liêu máy móc, bộ máy hành chính công kênh và độc đoán.

Phương pháp hành chính trong quản lý được thể hiện ở hai mặt:

Mặt tĩnh và mặt động.

Mặt tĩnh thể hiện ở những tác động có tính ổn định về mặt tổ chức thông qua việc thể chế hoá tổ chức (gồm cơ cấu tổ chức và chức năng quản lý) và tiêu chuẩn hoá tổ chức (định mức và tiêu chuẩn tổ chức).

Mặt động của phương pháp là sự tác động thông qua quá trình điều khiển tức thời khi xuất hiện các vấn đề cần giải quyết trong quá trình quản lý.

- Ưu điểm:

+ Xác lập trật tự, kỉ cương làm việc trong hệ thống một cách nahn chóng.

+ Có thể giấu được ý đồ hoạt động.

- Nhược điểm:

Phương pháp này sẽ dẫn đến tình trạng quan liêu, máy móc. Bộ máy HC công kênh và độc đoán.

### **Phương pháp giáo dục:**

Phương pháp này xuất phát từ quan điểm cho rằng vật chất khách quan quyết định ý thức con người, nhưng ý thức của con người có thể tác động trở lại đối với sự vật khách quan. Do đó, trong sự quản lý, con người là đối tượng trung tâm của quản lý và phương pháp giáo dục được coi trọng trong quản lý.

Chúng ta đều biết rằng tất cả các hoạt động kinh tế đều xảy ra thông qua con người với những động cơ về lợi ích vật chất và tinh thần nhất định, với những mức độ giác ngộ về trách nhiệm công dân và về ý thức dân tộc khác nhau, với những quan điểm về đạo đức và trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế khác nhau. Phải giáo dục và hướng dẫn các nhân cách trên phát triển theo hướng có lợi cho phát triển kinh tế, cho sự tiến bộ và văn minh của toàn xã hội.

Nội dung của các biện pháp giáo dục bao gồm giáo dục về thái độ lao động, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến, thực hiện các biện pháp kích thích sự say mê hăng hái lao động, giáo dục về tâm lý tình cảm lao động. Về giữ gìn uy tín với người tiêu dùng. Các vấn đề này đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực đầu tư do những đặc điểm của hoạt động đầu tư (lao động vất vả, tính chất rủi ro...).

- Nhược điểm:

Do đặc điểm của hệ ĐT là số vốn lớn, kỹ thuật phức tạp, nó liên quan đến nhiều ngành nghề, rất khó kiểm tra, kiểm soát, dễ vấp và luôn di động nên nó đòi hỏi tính tự giác cao trong LĐ của những người tham gia hệ ĐT để đảm bảo chất lượng công trình, tránh tình trạng phá đi làm lại gây thất thoát lãng phí.

### **Phương pháp toán học và thống kê trong quản lý hệ đầu tư:**

Để quản lý các hoạt động đầu tư có hiệu quả, bên cạnh các biện pháp định tính cần áp dụng cả các biện pháp định lượng, đặc biệt là phương pháp toán kinh tế.

Phương pháp toán kinh tế được áp dụng trong hoạt động quản lý đầu tư bao gồm:

#### *+Phương pháp thống kê:*

Phương pháp này được sử dụng để thu thập và kiểm tra phân tích các số liệu thống kê trong hoạt động đầu tư, kiểm tra và dự báo trong xây dựng công trình. Trong toán thống kê, phương pháp hàm tương quan giữ vai trò quan trọng, nhất là đối với việc phân tích nhân tố ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động đầu tư.

#### *+Mô hình toán kinh tế:*

Đó là sự phản ánh mặt lượng các thuộc tính cơ bản của các đối tượng nghiên cứu trong đầu tư và là sự trừu tượng hoá khoa học các quá trình, hiện tượng kinh tế diễn ra trong hoạt động đầu tư. Thí dụ mô hình tái sản xuất, mô hình cân đối liên ngành chỉ rõ vai trò của đầu tư.

#### *+Vận trù học, bao gồm:*

Lý thuyết quy hoạch tuyến tính, quy hoạch động, quy hoạch nguyên, quy hoạch khối, quy hoạch mở, đa mục tiêu; lý thuyết mô phỏng...

#### *+Điều khiển học:*

Là khoa học về điều khiển các hệ thống kinh tế và kỹ thuật phức tạp, trong đó quá trình vận động của thông tin đóng vai trò chủ yếu.

Với việc vận dụng các phương pháp toán kinh tế trong quản lý đầu tư cho phép người ta có thể nhận thức sâu sắc hơn quá trình kinh tế trong đầu tư, cho phép lượng hoá để chọn ra các phương án đầu tư, xây dựng tối ưu, các phương án thiết kế và quy hoạch tối ưu.

-Ưu điểm: việc vận dụng các phương pháp toán kinh tế và thống kê trong quản lý hoạt động đầu tư cho phép nhận thức sâu sắc hơn các quá trình kinh tế diễn ra trong lĩnh vực đầu tư, cho phép lượng hoá để chọn ra dự án tốt

nhất, lựa chọn phương án đầu tư và xây dựng tối ưu, chọn nhà thầu có năng lực, tìm ra phương án tổ chức thi công hợp lý nhất

-Nhược điểm: đòi hỏi phải có một cơ chế quản lý phù hợp., khó áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư trên phương diện vĩ mô

### **Vận dụng tổng hợp các phương pháp quản lý trên đây trong quản lý hoạt động đầu tư.**

Áp dụng phương pháp này cho phép nâng cao hiệu quả của quản lý hoạt động đầu tư vì những lý do:

- Hệ thống các quy Luật kinh tế tác động lên hoạt động đầu tư một cách tổng hợp. Các phương pháp quản lý là sự vận dụng các quy Luật kinh tế nên chúng cũng phải được sử dụng tổng hợp thì mới có kết quả cao.

- Hệ thống quản lý kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư không phải là những hoạt động riêng lẻ mà là sự tổng hợp các quan hệ kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật. Do đó, chỉ có sự vận dụng tổng hợp các phương pháp quản lý mới có thể điều hành tốt hệ thống này.

Đối tượng tác động chủ yếu của quản lý là con người mà con người lại là tổng hoà của các quan hệ xã hội với nhiều động cơ, nhu cầu và tính cách khác nhau, do đó, phương pháp tác động đến con người cũng phải là phương pháp tổng hợp.

Mỗi phương pháp quản lý đều có phạm vi áp dụng nhất định và nhược điểm khác nhau. Do đó sử dụng tổng hợp các phương pháp này sẽ bổ sung cho nhau các ưu điểm, khắc phục và hạn chế những nhược điểm.

Các phương pháp quản lý luôn có mối quan hệ với nhau. Vận dụng tốt phương pháp quản lý này sẽ tạo điều kiện cho việc sử dụng tốt các phương pháp kia.

Tuy nhiên, khi vận dụng các phương pháp quản lý trên đây cần tìm ra phương pháp nào là chủ yếu, tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể, trong đó phương pháp kinh tế xét cho cùng vẫn là phương pháp quan trọng nhất vì nó thường đem lại hiệu quả rõ rệt, là tiền đề vững chắc và lâu dài để vận dụng các phương pháp còn lại.

## **Câu 10: Trình bày các công cụ quản lý hoạt động đầu tư và tác dụng của từng công cụ đối với công tác quản lý đầu tư hiện nay.**

Có nhiều công cụ qly hđộng đầu tư. Sau đây là những công cụ chủ yếu:

- Các quy hoạch tổng thể và chi tiết của ngành, địa phương về đầu tư và xây dựng là những công cụ quan trọng được sử dụng để quản lý hoạt động đầu tư.
- Các kế hoạch định hướng và một số kế hoạch trực tiếp về đầu tư của các ngành và đơn vị.
- Hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật có liên quan đến đầu tư. Hệ thống pháp luật liên quan và thường được áp dụng để quản lý hoạt động đầu tư như luật đầu tư, luật công ty, luật xây dựng, luật đất đai, luật bảo vệ môi trường, luật lao động, luật bảo hiểm...và các văn bản dưới luật kèm theo về quản lý hoạt động đầu tư như các quy chế về quản lý tài chính, vật tư, thiết bị, lao động, tiền lương, sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên...
- Các định mức và tiêu chuẩn quan trọng có liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư và lợi ích của toàn xã hội.
- Danh mục các dự án đầu tư xếp theo thứ tự ưu tiên.
- Các hợp đồng kinh tế. Các hợp đồng ký kết với các cá nhân và đơn vị thực hiện các công việc của dự án.
- Các chính sách và đòn bẩy kinh tế có tác dụng tác động vào sự phân bổ các nguồn vốn thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch nhà nước đề ra. Các chính sách và đòn bẩy kinh tế quan trọng thường được áp dụng để quản lý hoạt động đầu tư bao gồm: chính sách giá cả, tiền lương, tài chính tín dụng, chính sách khuyến khích đầu tư.
- Những thông tin cần thiết về tình hình cung cầu, kinh nghiệm quản lý, giá cả, luật pháp và các vấn đề có liên quan đến đầu tư. Các tài liệu phân tích, đánh giá kết quả, hiệu quả của hoạt động đầu tư.

## Câu 11 Trình bày nội dung quản lý hoạt động đầu tư ở các cấp độ

Nhà nước	Bộ, ngành và các địa phương	Cơ sở	Dự án đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp và những văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động đầu tư nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Ban hành, sửa đổi, đầu tư luật đầu tư và các luật liên quan như luật thuế, luật đất đai luật đấu thầu..</li> <li>◆ Xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành, của các địa phương và vùng lãnh thổ, các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành xây dựng quy hoạch và kế hoạch đầu tư theo ngành, địa phương</li> <li>◆ Ban hành kíp thời các chính sách chủ trương đầu tư. Nhà nước ban hành chính sách chủ trương quan trọng như chính sách tiền tệ, tín dụng linh hoạt, chính sách ưu đãi đầu tư, nhằm cải thiện môi trường và thủ tục đầu tư. Đề ra các giải pháp nhằm huy động tối đa và phát huy có hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Bộ, ngành và địa phương mình.</li> <li>◆ Xây dựng danh mục các dự án cần đầu tư của ngành địa phương</li> <li>◆ Xây dựng các kế hoạch huy động vốn</li> <li>◆ Hướng dẫn các nhà đầu tư thuộc ngành, địa phương mình lập dự án tiền khả thi và khả thi</li> <li>◆ Ban hành nhưng văn bản quản lý thuộc ngành, địa phương mình liên quan đến đầu tư</li> <li>◆ Lựa chọn đối tác, đàm phán ký kết hợp đồng liên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phù hợp. Đối với cấp cơ sở, chiến lược và kế hoạch đầu tư phải phù hợp phục vụ chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị</li> <li>◆ Tổ chức lập dự án đầu tư: Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư của cơ sở được thực hiện ngay từ khi xây dựng ý tưởng dự án đến các giai đoạn lập dự án tiền khả thi và khả thi</li> <li>◆ tổ chức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆</li> </ul>

trong dân và vốn đầu tư nước ngoài; trên cơ sở đó phân tích hiệu quả của hoạt động đầu tư.

◆ Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, các chuẩn mực đầu tư: Nhà nước mà đại diện là các ngành thống nhất quản lý các định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến ngành mình như ban hành những quy định về yêu cầu thiết kế thi công, tiêu chuẩn chất lượng, môi trường...

◆ xây dựng chính sách cán bộ thuộc lĩnh vực đầu tư, đào tạo, huấn luyện đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuyên sâu cho từng lĩnh vực của hoạt động đầu tư

◆ Đề ra chủ trương và chính sách hợp tác đầu tư với nước ngoài, chuẩn bị các nguồn lực tài chính, vật chất và nhân lực để hợp tác có hiệu quả cao

◆ Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát. Các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra giám sát tuân thủ pháp luật của các chủ đầu tư, xử lý những vi phạm pháp luật, quy định của nhà nước, những cam kết của chủ đầu tư ..

◆ Quản lý trực tiếp nguồn vốn Nhà nước. Nhà nước đề ra

doanh liên kết trong hợp tác đầu tư với nước ngoài

◆ Trực tiếp kiểm tra giám sát quá trình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc ngành địa phương theo chức năng nhiệm vụ được phân cấp quản lý

◆ Hỗ trợ và trực tiếp xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình đầu tư như cấp đất, giải phóng mặt bằng, thuê và tuyển dụng lao động, xây dựng công trình...

◆ Kiến nghị với cấp trên điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung những bất hợp lý trong cơ chế chính sách, quy định dưới luật... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hiệu quả kinh tế xã hội của đầu tư.

quản lý quá trình thực hiện đầu tư và vận hành các kết quả đầu tư. Nội dung quản lý trong giai đoạn thực hiện đầu tư là tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, ký kết các hợp đồng, quản lý tiến độ, vốn đầu tư, chất lượng, rủi ro, thông tin, hoạt động mua bán... Trong giai đoạn vận hành hành, nội dung cơ bản của quản lý đầu tư là quản lý tốt máy móc thiết bị, thực hiện duy tu bảo dưỡng thường xuyên, sử dụng tối đa công suất..

◆ Điều phối, kiểm tra, đánh giá hoạt

các giải pháp để quản lý và sử dụng nguồn vốn Nhà nước từ khâu xác định chủ trương đầu tư. Phân phối vốn, đến việc thi công xây dựng và vận hành công trình.

♦ Quản lý trực tiếp đầu tư vào hoạt động công ích. Nhà nước đầu tư vào sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thông qua hình thức giao kế hoạch, đặt hàng hoặc đấu thầu. Tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích. Nhà nước ban hành chính sách hỗ trợ các hoạt động công ích và danh mục sản phẩm dịch vụ công ích.

động đầu tư của cơ sở nói chung và của từng dự án đầu tư trong cơ sở nói riêng



## **Câu 12 Trình bày nguồn vốn ODA và các giải pháp để tăng cường huy động nguồn vốn này.**

Nguồn vốn ODA là nguồn vốn hất triển do các tổ chức quốc tế và các chính phủ nước ngoài cung cấp với mục tiêu trợ giúp các nước đang phát triển . So với các hình thức khác, ODA mang tính ưu đãi cao hơn bất kì nguồn vốn ODF nào khác. Ngoài các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời hạn cho vay dài, khối lượng vốn vay lớn, bao giờ trong ODA cũng có yếu tố không hoàn lại( còn gọi là thành tố tài trợ) đạt ít nhất 25%

### **\*.Đặc điểm của nguồn vốn ODA**

- **Tính ưu đãi:** Vốn ODA có thời gian ân hạn và hoàn trả vốn dài (khoảng 10 năm và 40 năm đối với các khoản vay từ ADB, WB và JICA). Phần vốn ODA hoàn lại có mức lãi suất thấp hơn lãi suất vay thương mại quốc tế. Vốn ODA chỉ được dành cho các nước đang phát triển. Các nước này có thể nhận được vốn ODA khi đáp ứng được các điều kiện nhất định như sau:

Thứ nhất, GDP thấp, những nước có tỷ lệ GDP/người càng thấp thì tỷ lệ viện trợ không hoàn lại và các điều kiện ưu đãi càng cao. Khi các nước này đạt được trình độ phát triển nhất định thì sự ưu ái cũng sẽ giảm đi.

Thứ hai, mục tiêu sử dụng vốn OAD của các nước này phải phù hợp với chính sách và phương hướng ưu tiên của các bên cho vay.

- **Tính ràng buộc:** Vốn ODA thường đi kèm với các ràng buộc về kinh tế, chính trị với các nước tiếp nhận. Kể từ khi ra đời đến nay, các khoản viện trợ luôn chưa đựng hai mục tiêu cùng song song tồn tại. Một mặt thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững giảm sự nghèo khó của các nước chậm phát triển. Mặt khác các nước cho vay đều nhìn thấy lợi ích từ việc hỗ trợ các nước đi vay để mở mang thị trường tiêu thụ sản phẩm và vốn. Xét về lâu dài, các nhà tài trợ có lợi ích về an ninh, kinh tế, chính trị khi mà kinh tế của các nước nghèo đang tăng trưởng. Một số nước như Bỉ, Đức, Đan Mạch cung cấp ODA kèm theo điều kiện là phải sử dụng một tỷ lệ vốn nhất định để mua hàng hóa và dịch vụ tư vấn của mình. Hoặc như Nhật Bản quy định vốn phải thực hiện bằng đồng Yên Nhật. Tuy nhiên, không thể phủ nhận vai trò quan trọng của ODA trong việc giải quyết một số vấn đề mang tính nhân đạo mang tính toàn cầu như: hạn chế tốc độ gia tăng dân số , tăng cường sức khỏe cộng

đồng, bảo vệ môi trường ... và tất các quốc gia trên thế giới không phân biệt giàu nghèo đều cần nỗ lực tham gia.

Các nước cho vay dùng ODA như một công cụ chính trị nhằm khẳng định vai trò của mình ở các nước và khu vực tiếp cận vốn. Mỹ là nước đã dùng ODA để thực hiện những ảnh hưởng chính trị với một số nước trên thế giới. Nhật Bản đang là nhà tài trợ lớn nhất trên thế giới và cũng đã từng sử dụng vốn ODA của mình làm công cụ kinh tế và chính trị.

Tính ràng buộc của nguồn vốn ODA còn được thể hiện qua mục tiêu sử dụng. Mỗi thỏa thuận hay hiệp định vay vốn đều dành cho một lĩnh vực đầu tư cụ thể, nước nhận ODA không thể tùy tiện thay đổi lĩnh vực đầu tư. Trong trường hợp nước vay không tuân thủ theo những quy định nhằm đảm bảo được mục tiêu đầu tư thì thỏa thuận vay vốn có thể bị bên cho vay đơn phương hủy bỏ.

- **Có khả năng gây ra gánh nặng nợ nần cho nước tiếp nhận:** Trong thời gian tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, do những điều kiện vay ưu đãi nên yếu tố nợ nần thường chưa xuất hiện. Một số nước đi vay chủ quan với nguồn vốn này và không sử dụng một cách có hiệu quả. Kết quả là đã sử dụng lượng vốn ODA lớn nhưng lại không tạo ra được những điều kiện tương ứng về phát triển kinh tế (không thu hút vốn FDI và các nguồn vốn khác cho sản xuất, kinh doanh). Nước đi vay đã không trả được lãi và vốn vay ODA theo đúng cam kết và để lại gánh nặng nợ nước ngoài cho thế hệ sau. Do đó nước đi vay khi hoạch định chính sách tiếp nhận vốn ODA cần phải kết hợp với chính sách thu hút các nguồn vốn khác để chúng hỗ trợ nhau nâng tăng cường nguồn lực kinh tế.

#### **\* Các giải pháp để tăng cường huy động nguồn vốn này**

Để tăng cường huy động nguồn vốn này thì các giải pháp đưa ra phải thực hiện đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Sau đây là một số giải pháp:

+, Ở cấp Trung ương thì Chính phủ cần:

- Tiếp tục hoàn thiện, làm mới cơ chế quản lí và điều hành công tác tiếp nhận ODA.

- Tăng cường công tác cán bộ, đầu tư đào tạo để nâng cao năng lực cho những cán bộ thuộc bộ phận liên quan đến việc xác định nhu cầu đàm phán, kí kết những hiệp định với đối tác nước ngoài nhằm nâng cao hơn nữa cả về số lượng và chất lượng của nguồn vốn thu hút được.

- Mở lớp đào tạo ngắn về những kiến thức có liên quan đến ODA, tập huấn về những quy định và thủ tục, điều kiện cung cấp ODA của các nhà tài trợ.

- Cần chú ý đến sự hài hoà thủ tục giữa các nhà tài trợ. Hiện nay, các nhà tài trợ cũng như các quốc gia đối tác đều mong muốn có các quy chế và hệ thống đơn giản hoá để cùng nhau thực hiện, tiến tới các điểm chung về mẫu, nội dung và tính thường xuyên cho một báo cáo định kỳ ở mỗi chương trình, dự án phù hợp yêu cầu của tất cả các nhà tài trợ. Hơn nữa, những điểm chung là cần thiết để loại bỏ sự trùng lặp trong việc chuẩn bị tài liệu, đánh giá các tác động về môi trường và xã hội đối với các chương trình, dự án đồng tài trợ. Vì thế nhu cầu hài hoà thủ tục theo các quy chế và các hệ thống phù hợp với những tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế là khách quan và cần thiết.

+, Ở cấp địa phương: Những ngành và địa phương có nhu cầu về cung cấp vốn ODA cần nghiên cứu kỹ những chính sách ưu tiên của các đối tác nước ngoài cũng như quy chế quản lý và sử dụng vốn ODA của Chính phủ Việt Nam để tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong việc lập hồ sơ dự án và các thủ tục xin viện trợ phù hợp với đối tượng ưu tiên.

### **Câu 13 Trình bày nguồn vốn FDI và các giải pháp để tăng cường huy động nguồn vốn này.**

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có đặc điểm cơ bản khác với các nguồn vốn nước ngoài khác là việc tiếp nhận nguồn vốn này không xuất phát sinh nợ cho nước tiếp nhận vốn. Thay vì nhân lãi suất trên vốn đầu tư, nhà đầu tư sẽ nhận được lợi nhuận thích đáng khi dự án đầu tư hoạt động có hiệu quả. Đầu tư trực tiếp nước ngoài mang theo toàn bộ tài nguyên kinh doanh vào nước nhận vốn nên nó có thể thúc đẩy phát triển ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành đòi hỏi cao về kỹ thuật, công nghệ hay cần nhiều vốn. Vì thế nguồn vốn này có tác dụng cực kì to lớn với quá trình công nghiệp hóa,

chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tốc độ tăng trưởng nhanh ở nước nhận đầu tư.

-Đối với nước tiếp nhận đầu tư thì ưu điểm của hình thức này là tính ổn định và hiệu quả sử dụng vốn FDI cao hơn các hình thức khác do nhà đầu tư trực tiếp sử dụng vốn. Nhà đầu tư không dễ dàng rút vốn sang các hình thức khác nếu thấy sự bất ổn của nền kinh tế nước nhận đầu tư. Do đó mức độ ổn định của dòng vốn đầu tư với host country cao hơn. Nhược điểm là host country bị phụ thuộc vào kinh tế ở khu vực FDI.

-Đối với nhà đầu tư: Chủ động nên có thể nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, lợi nhuận thu về cao hơn. Có thể chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ sản phẩm, khai thác nguồn nguyên liệu nhân công giá rẻ và những lợi thế khác của nước nhận đầu tư, tránh thủ những ưu đãi từ các nước nhận đầu tư. Tuy nhiên hình thức này mang tính rủi ro cao họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về dự án đầu tư. Hoạt động đầu tư chịu điều chỉnh từ phía nước nhận đầu tư. Không dễ dàng thu hồi và chuyển nhượng vốn.

### **Giải pháp để tăng cường huy động nguồn vốn này**

-Cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp nhanh chóng, đặc biệt là các cảng biển và nhà máy điện. Mạnh dạn hơn nữa trong việc cho phép và khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia phát triển hạ tầng, nhất là những công trình hạ tầng đang xây dựng dở dang và đã kéo dài nên được hoàn thành tránh sự lãng phí không đáng có.

-Rất nhiều ý kiến từ phía các doanh nghiệp và các đối tác nước ngoài có liên quan đều lo ngại về những luật lệ và quy định mới, do đó cần xoá bỏ những giấy phép không cần thiết, đẩy mạnh cải cách hành chính, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết.

-Cần công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý. Trong đó, cần rà soát lại các văn bản phát quy liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, sửa đổi các văn bản cho phù hợp với quy định của WTO.

-Từng bước đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo để phát triển nguồn nhân lực. Phải xác định cho đúng những đối tượng cần được đào tạo và đào tạo lại, tránh tình trạng đào tạo tràn lan mà không biết sử dụng vào việc gì. Đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ lao động đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng và tay nghề cao phục vụ cho nhu cầu của cả nước và xuất khẩu.

## **Câu 14 Trình bày khái niệm và phương pháp xác định “Khối lượng vốn đầu tư thực hiện”**

Khối lượng vốn đầu tư thực hiện là tổng số tiền đã chi tiến hành các hoạt động của các công cụ đầu tư bao gồm các chi phí cho công tác xây dựng, chi phí cho công tác mua sắm lắp đặt thiết bị, chi phí quản lý và chi phí khác theo quy định của thiết kế dự toán và được ghi (.) dự án đầu tư được duyệt.

### **\* Phương pháp xác định “khối lượng vốn đầu tư thực hiện”**

Đối với những công cuộc đầu tư có quy mô lớn, thời gian thực hiện đầu tư dài, vốn đầu tư thực hiện là số vốn đã chi cho từng hoạt động hoặc từng giai đoạn của mỗi công cuộc đầu tư đã hoàn thành

Đối với những công cuộc đầu tư có quy mô nhỏ, thời gian thực hiện đầu tư ngắn, vốn đã chi tính được tính vào khối lượng đầu tư thực hiện khi toàn bộ các công việc của quá trình thực hiện đầu tư kết thúc.

Đối với công cuộc đầu tư do ngân sách tài trợ, tổng số đã chi được tính vào khối lượng vốn đầu tư thực hiện khi các kết quả của quá trình đầu tư phải đạt tiêu chuẩn và tính theo phương pháp sau:

- Đối với công tác xây dựng: Vốn đầu tư thực hiện cho công tác xây dựng bao gồm vốn đầu tư thực hiện xây dựng công trình và xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng công trình ( $I_{VXDCT}$ ) được tính theo công thức sau đây:

$$I_{VXDCT} = C_{TT} + C + TL + VAT$$

Trong đó:

$C_{TT}$ : Chi phí trực tiếp: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí trực tiếp khác

C- Chi phí chung: Gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí điều hành sản xuất tại công trường, chi phí phục vụ nhân công, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác. Khoản chi phí này được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên chi phí trực tiếp hoặc chi phí nhân công trong sự toán xây dựng.

TL- Thu nhập chịu thuế tính trước được tính theo tỷ lệ phần trăm trên chi phí trực tiếp và chi phí chung trong sự toán chi phí xây dựng, do nhà nước quy định theo từng loại công trình.

VAT- Tổng thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng

## **Câu 15 Trình bày khái niệm và phương pháp xác định Tài sản cố định huy động và Năng lực sản xuất phục vụ tăng thêm.**

### *a, Tài sản cố định huy động*

Tài sản cố định là công trình hay hạng mục công trình, đối tượng xây dựng có khả năng phát huy tác dụng độc lập (làm ra sản phẩm hàng hóa hoặc tiến hành các hoạt động dịch vụ cho xã hội đã được ghi trong dự án đầu tư) đã kết thúc quá trình xây dựng mua sắm, đã làm xong thủ tục nghiệm thu sử dụng, có thể đưa vào hoạt động được ngay.

Có hai trường hợp: huy động vốn bộ phận và huy động vốn toàn bộ. Đối với các công cuộc đầu tư quy mô lớn, có nhiều đối tượng, hạng mục xây dựng có khả năng phát huy tác dụng độc lập thì được áp dụng hình thức huy động bộ phận sau khi từng đối tượng, hạng mục đã kết thúc quá trình xây dựng, mua sắm, lắp đặt. Còn đối với những công cuộc đầu tư quy mô nhỏ, thời gian thực hiện đầu tư ngắn thì áp dụng hình thức huy động toàn bộ khi tất cả các đối tượng, hạng mục công trình đã kết thúc quá trình xây dựng, mua sắm, lắp đặt.

### *b, Năng lực sản xuất phục vụ tăng thêm*

-Năng lực sản xuất phục vụ tăng thêm được hiểu là khả năng đáp ứng nhu cầu sản xuất, phục vụ các tài sản cố định đã được huy động vào sử dụng để sản xuất ra sản phẩm hoặc tiến hành các hoạt động dịch vụ theo quy định được ghi trong dự án đầu tư.

-Năng lực sản xuất phục vụ được thể hiện ở công suất hoặc năng lực phát huy tác dụng của các tài sản cố định được huy động như: số căn hộ, số mét vuông nhà ở, số chỗ ngồi ở rạp hát, trường học, số giường bệnh nằm ở bệnh viện, số kWh của các nhà máy điện, số tấn than khai thác hàng năm của các mỏ than, số mét vải dệt hàng năm của nhà máy dệt..mức tiêu dùng nguyên, nhiên trong một đơn vị thời gian

-Tài sản cố định huy động, năng lực sản xuất phục vụ tăng thêm là kết quả trực tiếp do hoạt động đầu tư cho các đối tượng vật chất mạng lại. Đối với hoạt động đầu tư cho các đối tượng đầu tư phi vật chất(đầu tư tài sản trí tuệ và nguông nhân lực) như hoạt động đầu tư cho giáo dục và đào tạo, cho hoạt động khám chữa bệnh, đầu tư cho nghiên cứu khoa học...kết quả trực tiếp do hoạt động đầu tư mang lại là sự gia tăng về trình độ văn hóa chuyên môn, quản lý, khoa học kĩ thuật.. và nguông nhân lực có đủ điều kiện để làm việc với năng suất cao hơn trong nền sản xuất xã hội.

## **Câu 16 Trình bày các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp**

### **• Hiệu quả đầu tư trong các doanh nghiệp kinh doanh**

**Hiệu quả tài chính** của hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp kinh doanh được đánh giá thông qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

- + Sản lượng tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- + Doanh thu tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- + Tỷ suất sinh lời đầu tư
- + Hệ số huy động tài sản cố định

### **Hiệu quả kinh tế - xã hội**

- + Mức đóng góp cho ngân sách tăng thêm trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- + Mức tiết kiệm ngoại tệ tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- + Mức thu nhập (hay tiền lương của người lao động) tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- + Số chỗ làm việc tăng thêm so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp

Các chỉ tiêu hiệu quả trên còn có thể xác định cho bình quân năm trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp. Trị số của các chỉ tiêu hiệu quả xem xét càng cao chứng tỏ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế xã hội ngày càng cao

### **• Hiệu quả đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích**

Doanh nghiệp hoạt động công ích là các doanh nghiệp Nhà nước sản xuất, cung ứng dịch vụ công cộng theo các chính sách của Nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp Nhà nước có doanh thu trên 70% trở lên từ hoạt động công ích thì doanh nghiệp đó được xếp vào loại hình doanh nghiệp hoạt động công ích. Để đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trong các doanh nghiệp hoạt động công ích thì các chỉ tiêu hiệu quả cơ bản là:

- + Hệ số huy động TSCĐ (so với vmons đầu tư thực hiện trong kỳ hay so với toàn bộ vốn đầu tư thực hiện)
- + Mức chi phí đầu tư tiết kiệm được so với tổng mức dự toán
- + Thời gian hoàn thành sớm so với thời gian dự kiến đưa công trình vào hoạt động song vẫn đảm bảo chất lượng công trình và chi phí trong phạm vi được duyệt

## **Câu 17 Trình bày các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư của 1 quốc gia, 1 địa phương, 1 ngành.**

-Mức tăng trưởng của giá trị sản xuất so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu. Chỉ tiêu này được xác định bằng cách so sánh giữa mức tăng của giá trị sản xuất với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng của toàn bộ nền kinh tế

-Mức tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu. Chỉ tiêu này được xác định bằng cách so sánh giữa mức tăng của tổng sản phẩm quốc nội với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của vùng địa phương hoặc toàn bộ nền kinh tế

-Mức tăng của giá trị tăng thêm so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu. Chỉ tiêu này được xác định bằng cách so sánh giữa mức tăng của giá trị tăng thêm so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của từng ngành.

-Mức tăng của tổng sản phẩm quốc nội so với giá trị tài sản cố định huy động trong kỳ nghiên cứu. Chỉ tiêu này được xác định bằng cách so sánh giữa mức tăng của tổng sản phẩm quốc nội so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

-Mức tăng của giá trị tăng thêm so với giá trị tài sản cố định huy động trong kỳ nghiên cứu. Chỉ tiêu này được tính bằng cách so sánh giữa mức tăng của giá trị tăng thêm so với giá trị tài sản cố định huy động trong kỳ nghiên cứu của từng ngành

-Suất đầu tư cần thiết để làm tăng thêm 1 đơn vị tổng sản phẩm quốc nội(tính cho từng địa phương, vùng và nền kinh tế) hoặc 1 đơn vị giá trị tăng thêm (tính cho từng ngành). Chỉ tiêu này cho biết để tạo ra 1 đơn vị tổng sản phẩm quốc nội tăng thêm cần bao nhiêu vốn đầu tư

-Hệ số huy động tài sản cố định. Chỉ tiêu này biểu thị mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị TSCĐ huy động ở các cấp độ ngành, địa phương, vùng và nền kinh tế trong kỳ nghiên cứu với tổng số vốn đầu tư thực hiện trong kỳ nghiên cứu ở các cấp độ ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế.

-Ngoài các chỉ tiêu cơ bản trên, để đánh giá hiệu quả kinh tế của đầu tư theo các cấp độ ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế còn có thể sử dụng các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế khác như: mức tăng thu nhập quốc dân, mức tăng thu ngân sách, mức tăng thu ngoại tệ hay mức tăng kim ngạch xuất khẩu so với vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu, tác động của đầu tư phát triển đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các hoạt động khác.



## **Câu 18 Trình bày quy trình lập kế hoạch đầu tư.**

Trình tự lập kế hoạch đầu tư của Nhà nước trải qua các bước sau đây:

### **Bước 1: Xây dựng quan điểm phát triển**

Xây dựng quan điểm phát triển có ý nghĩa rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và trong kế hoạch đầu tư. Quan điểm phát triển phải đảm bảo cho phương hướng hành động nhằm thực hiện được mục tiêu chiến lược, mục tiêu quy hoạch và kế hoạch đề ra. Những quan điểm chung thường được đề cập đến trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư của cả nước.

*Quan điểm về tốc độ tăng trưởng cao – ổn định – bền vững:* Để thực hiện được yêu cầu này đòi hỏi các phương án phát triển kinh tế phải làm rõ định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung, chuyển dịch cơ cấu nội tại của từng ngành, từng lĩnh vực, bố trí cơ cấu đầu tư nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao. Với quan điểm về tốc độ tăng trưởng cao thì khi lập kế hoạch đầu tư: những lĩnh vực, ngành nào có hiệu quả kinh tế cao, mang lại tích lũy lớn thì ưu tiên tập chung nguồn lực phát triển trước; địa phương nào có lợi thế hơn thì ưu tiên phát triển trước sản phẩm nào có thị trường và hiệu quả cao thì làm trước..

*Quan điểm về phát triển toàn diện (đa ngành) và có trọng điểm:* Phát triển công nghiệp cũng toàn diện, nông nghiệp cũng toàn diện, thương mại – văn hóa – giáo dục đào tạo cũng phải toàn diện. Với nguồn lực trong nền kinh tế là có hạn thì đây là bài toán khó cho công tác lập kế hoạch đầu tư, phải có cách đi và cách làm đúng để tránh lãng phí các nguồn lực, tránh đổ vỡ trong quá trình phát triển

*Quan điểm tăng trưởng phải kết hợp với xóa đói giảm nghèo,* nhằm giảm bớt chênh lệch giữa các vùng trong cả nước và giữa các vùng giàu nghèo trong địa bàn tỉnh, thành phố.

*Quan điểm coi yếu tố nội lực là quyết định và khai thác nguồn lực bên ngoài là quan trọng:* Quan điểm này ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch huy động vốn đầu tư, đến các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và chính sách ithub hút vốn đầu tư nước ngoài.

*Quan điểm kết hợp hài hòa kinh tế và xã hội, an ninh – quốc phòng.* Quan điểm này ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch đầu tư trực tiếp của Nhà nước

### **Bước 2: Dự báo các nguồn lực**

Dự báo các nguồn lực (nội lực và ngoại lực), các cân đối lớn có thể khai thác đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch, biện pháp và khả năng huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển nhằm đảm bảo các mục tiêu phát triển, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân là rất quan trọng. Để thực hiện tốt công tác dự báo cần thiết phải xây dựng hệ thống thông tin kinh tế từ Trung ương đến địa phương nhằm nắm bắt nhanh nhạy các nguồn lực và khả năng mới từ các địa phương, các vùng khác trong nước và từ nước ngoài

### Bước 3: Rà soát lại các chương trình quốc gia và các dự án lớn

Rà soát tất cả các chương trình, dự án lớn theo những tiêu thức sau:

- Tính rõ ràng và cụ thể của mục tiêu chương trình cũng như tầm quan trọng của chương trình dự án
- Cụ thể hóa tất cả các nội dung thực hiện chương trình theo không gian và thời gian
- Sự đảm bảo các nguồn lực và các điều kiện khác để thực hiện chương trình, dự án
- Xác định cụ thể việc điều phối, lồng ghép cá hoạt động nói trên ở các địa phương nhằm thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả các trương chình dự án

### Bước 4: Xây dựng kế hoạch đầu tư

Các kế hoạch này được xây dựng theo trình tự sau:

- Phân tích tình hình kinh tế - xã hội
- Xác định nhu cầu đầu tư và khả năng nguồn vốn đầu tư. Xác định tình hình cầu và cung đầu tư, mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, dự báo tình hình phát triển công nghệ, phát triển khoa học - kỹ thuật có liên quan đến đầu tư
- Xây dựng kế hoạch định hướng đầu tư tổng thể, theo cơ cấu ngành và vùng lãnh thổ, theo thành phần kinh tế
- Đối với các hoạt động đầu tư từ ngân sách. Trên cơ sở kế hoạch định hướng và khả năng tích lũy của ngân sách, phân bổ kế hoạch đầu tư cho từng địa phương, từng ngành và từng cơ sở. Sau đó tổng hợp và cân đối kế hoạch của cơ sở thành kế hoạch của ngành, địa phương và cả nước
- Đối với các hoạt động đầu tư từ nguồn vốn khác. Trên cơ sở kế hoạch định hướng chung, Nhà nước sử dụng hệ thống pháp luật, chính sách và những quy định nhằm khuyến khích và hạn chế đầu tư để định hướng các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư.

## **Câu 19 Phân biệt đầu tư tài chính, đầu tư thương mại với đầu tư phát triển**

**\*\* Đầu tư tài chính** là hình thức đầu tư mà chủ đầu tư bỏ tiền ra để cho vay hoặc mua các chứng chỉ có giá để hưởng lãi xuất định trước hoặc cổ tức tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị sử dụng vốn. Đặc điểm của đầu tư tài chính :

- Làm tăng tài sản tài chính của chủ đầu tư. tài sản đó là tiền, cổ phiếu mà sau thời gian kinh doanh sẽ thu được tiền.
- Không trực tiếp làm tăng tài sản hữu hình của nền kinh tế.
- Hiện tượng đầu tư được xem là hiện tượng đầu tư chuyển dịch cụ thể làm chuyển quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng .
- Đầu tư tài chính là một kênh huy động vốn rất quan trọng của ĐTPT.

**\*\* Đầu tư thương mại** là loại đầu tư trong đó chủ đầu tư bỏ tiền ra để mua hàng sau đó bán lại với giá cao hơn nhằm thu lợi nhuận. Đặc điểm của đầu tư thương mại:

- Không trực tiếp tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế (Trừ hoạt động ngoại thương). Và thương mại làm tăng giá trị của tài sản.
- Trong đầu tư thương mại có sự chuyển giao quyền sở hữu.
- Đầu tư thương mại làm tăng tài sản tài chính của chủ đầu tư.
- Đầu tư thương mại là điều kiện quan trọng và là cầu nối để thúc đẩy ĐTPT.

**\*\* Đầu tư phát triển** là đầu tư tài sản vật chất và sức lao động trong đó người có tiền bỏ tiền ra để tiến hành các hoạt động nhằm tăng thêm hoặc tạo ra tài sản mới cho mình đồng thời cho cả nền kinh tế, từ đó làm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động sản xuất khác, là điều kiện chủ yếu tạo việc làm, nâng cao đời sống của mọi người dân trong xã hội. Đó chính là việc bỏ tiền ra để xây dựng, sửa chữa nhà cửa và kết cấu hạ tầng, mua sắm trang thiết bị và lắp đặt chúng trên nền bệ, bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện các chi phí thường xuyên gắn liền với sự hoạt động của các tài sản này nhằm duy trì hoặc tăng thêm tiềm lực hoạt động của các cơ sở đang tồn tại, bổ sung tài sản và tăng thêm tiềm lực của mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước

Kết luận: Qua tìm hiểu những đặc điểm và nội dung của đầu tư thương mại và đầu tư tài chính ta thấy được điểm khác nhau cơ bản và quan trọng của hai loại hình đầu tư này với ĐTPT, đó là chỉ có ĐTPT mới trực tiếp làm tăng tài sản cho nền kinh tế quốc dân.

## **Câu 20 Trình bày nội dung đầu tư trong doanh nghiệp.**

### **Đầu tư xây dựng cơ bản (đầu tư vào tài sản cố định) trong doanh nghiệp**

Để doanh nghiệp tồn tại và phát triển thì hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản có vai trò rất quan trọng. Đầu tư vào tài sản cố định hay đầu tư xây dựng cơ bản là hoạt động nhằm tái tạo tài sản cố định của doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp, đặc biệt trong sản xuất kinh doanh, để các hoạt động diễn ra bình thường đều cần xây dựng nhà xưởng, kho tàng, các công trình kiến trúc, mua và lắp đặt trên nền bệ các máy móc thiết bị... Đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh. Hoạt động này đòi hỏi vốn lớn và chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

### **Đầu tư hàng tồn lưu trữ trong doanh nghiệp**

Hàng tồn kho của doanh nghiệp là toàn bộ nguyên vật liệu, bán thành phẩm, chi tiết, phụ tùng, sản phẩm hoàn thành được tồn trữ trong doanh nghiệp. Hàng tồn kho rất quan trọng nó đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, hiệu quả, cho phép sản xuất và mua nguyên vật liệu một cách hợp lý và kinh tế, giảm chi phí đặt hàng, vận chuyển và tồn trữ.

*Chi phí tồn trữ:* Trên phương diện đầu tư, chi phí tồn trữ trong doanh nghiệp thương bao gồm : chi phí cho các khoản mục tồn trữ (giá mua và chi phí vận chuyển) , chi phí dự trữ và chi phí đặt hàng.

*Chi phí cho khoản mục tồn trữ* là các chi phí mua hoặc chi phí sản xuất của khoản mục dự trữ. Trường hợp đi mua, chi phí của khoản mục dự trữ bao gồm: chi phí mua, vận chuyển và thuế các loại. Trường hợp tự sản xuất, chi phí tồn trữ hay chi phí sản xuất gồm chi phí nguyên vật liệu thô, chi phí lao động và chi phí quản lý phân bổ...

*Chi phí đặt hàng* là toàn bộ chi phí liên quan đến việc thiết lập các đơn hàng bao gồm: chi phí tìm nguồn hàng, chi phí thực hiện quy trình đặt hàng, chi phí chuẩn bị và thực hiện chuyên hóa về kho doanh nghiệp.

*Chi phí dự trữ hàng:* là những chi phí liên quan đến hàng đang dự trữ tại kho. Chi phí dự trữ được xem là thay đổi tỷ lệ thuận và chi phí đặt hàng được xem là cố định khi quy mô đặt hàng thay đổi. Thực tế từng yếu tố trong 2 nội dung này có thể vận động ngược với x hướng này.

### **Đầu tư phát triển nguồn nhân lực**

Chất lượng nguồn nhân lực là chỉ tiêu phản ánh trình độ phát triển kinh tế và đời sống người dân trong một xã hội nhất định. Chất lượng nguồn nhân lực ảnh hưởng mạnh đến năng suất lao động, đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nguồn nhân lực có chất lượng cao góp phần làm tăng năng

lực cạnh tranh của doanh nghiệp tăng thu hút vốn đầu tư. Do vậy cần phải phát triển nguồn nhân lực.

Nguồn nhân lực bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

◆ *Số lượng nhân lực* là tổng số người tham gia vào hoạt động kinh tế của doanh nghiệp và được trả công. Số lượng nguồn nhân lực được đo lường thông qua chỉ tiêu quy mô và tốc độ tăng dân số, cơ cấu nhân lực theo các tiêu thức khác nhau.

◆ *Chất lượng nguồn nhân lực* thể hiện ở trình độ chuyên môn, tay nghề (trí lực) và sức khỏe (thể lực), trình độ văn hóa của nguồn nhân lực. Đây là các chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh chất lượng của nguồn nhân lực. Trình độ văn hóa của nguồn nhân lực là chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng nguồn nhân lực và có tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của doanh nghiệp.

Nói tóm lại, đầu tư phát triển nguồn nhân lực là hoạt động đầu tư nâng cao chất lượng nguồn lực con người, là quá trình trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, cải thiện và nâng cao chất lượng điều kiện làm việc của người lao động. Hoạt động đầu tư phát triển nguồn nhân lực có những đặc điểm sau:

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực không bị giảm giá trị trong quá trình sử dụng mà ngược lại càng sử dụng nhiều thì khả năng tạo thu nhập và thu hồi vốn càng cao

+ Đầu tư vào nguồn nhân lực có chi phí không quá cao trong khi thời gian sử dụng lại lớn, thường là khoảng thời gian làm việc của một đời người

+ Đầu tư vào con người không chỉ là do tỷ lệ thu hồi đầu tư trên thị trường quyết định

+ Hiệu ứng gián tiếp và lan tỏa của đầu tư phát triển nguồn nhân lực rất lớn. Nước có nguồn nhân lực trình độ cao cho phép tăng trưởng kinh tế tốt hơn và điều chỉnh tốt hơn các vấn đề về dân số, kế hoạch hóa, gia đình và môi trường...

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực không chỉ là phương tiện để gia tăng thu nhập mà còn là mục tiêu của xã hội.

### **Đầu tư nghiên cứu và áp dụng khoa học, công nghệ**

Khoa học công nghệ là nguồn lực quan trọng để tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất. Nhờ ứng dụng

những khoa học và công nghệ đã làm cho chi phí về lao động, vốn, tài nguyên trên một đơn vị sản phẩm giảm xuống, hiệu quả sử dụng các yếu tố này tăng lên. Sự phát triển khoa học và công nghệ cho phép tăng trưởng và tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu, làm xuất hiện những ngành kinh tế có hàm lượng khoa học cao như: công nghệ điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Vì vậy nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ cần phải được quan tâm đầu tư đúng mức

### **Đầu tư cho hoạt động marketing**

Hoạt động Marketing, trong đó, quảng cáo, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, là những hoạt động không thể thiếu của doanh nghiệp. Quảng cáo, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu không phải những hoạt động riêng biệt tách rời mà có mối liên hệ thống nhất mật thiết. Quảng cáo là chiến lược ngắn hạn trong mục tiêu xây dựng thương hiệu dài hạn và được hỗ trợ bởi các hoạt động xúc tiến thương mại. Thương hiệu là một tài sản vô hình đặc biệt, mà trong nhiều doanh nghiệp nó là tài sản quan trọng nhất. Thương hiệu ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người tiêu dùng, của nhà đầu tư và của cả cơ quan công quyền.

Đầu tư vào hoạt động Marketing là nhân tố cần thiết cho sự thành công của doanh nghiệp. Nhờ có Marketing, tiến hành dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, dự tính các hành động của doanh nghiệp, hỗ trợ bán hàng thông qua quảng cáo, khuyến mại... Đầu tư cho hoạt động marketing cần chiếm tỷ trọng hợp lý trong tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp.

